UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC **BAN DÂN TỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 307 /BDT-CSDT V/v triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng vay lãi nặng, lừa đảo cầm cố đất, bán đất trong vùng đồng bào DTTS	*Bình Phước, ngày 03 tháng 08 năm 2022*

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 03/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh (*Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 03/7/2017*); Công văn số 2001/UBND-KGVX ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng vay lãi nặng, lừa đảo cầm cố đất, bán đất vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh (*Công văn số 2001/UBND-KGVX ngày 18/6/2021*); Công văn số 1858/UBND-KGVX ngày 21/7/2022 về việc tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý đất đai trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*Công văn số 1858/UBND-KGVX ngày 21/7/2022*).

Thực hiện nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại các văn bản nêu trên. Ban Dân tộc đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quan tâm, chỉ đạo thực hiện:

1. Tiếp tục triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 03/7/2017; Công văn số 2001/UBND-KGVX ngày 18/6/2021 và Công văn số 1858/UBND-KGVX ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh (*gửi kèm theo*).

2. Định kỳ báo cáo kết quả triển khai, thực hiện 06 tháng (trước ngày 20/6), hàng năm (trước 20/12) theo biểu mẫu báo cáo gửi kèm theo công văn này về Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Rất mong được sự quan tâm, phối hợp của quý cơ quan./.

Nơi nhận: - UBND tỉnh (b/c); - Như trên; - TB, các PTB; - Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện; - Các phòng CM; - Website Ban Dân tộc; - Lưu: VT, CSDT.	**KT. TRƯỞNG BAN** **PHÓ TRƯỞNG BAN** CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM BAN DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC Điểu Nen

ĐƠN VỊ …….. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……., ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện các biện pháp ngăn chặn tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số

I. Công tác triển khai, thực hiện các văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

II. Thống kê số liệu (*chỉ thống kê số liệu phát sinh trong kỳ báo cáo 6 tháng hoặc báo cáo năm).*

1. Số hộ người DTTS bán điều non (*Chỉ tính các trường hợp bán điều non trong thời gian từ 03 năm trở lên và các trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật*);

2. Số hộ người DTTS vay tiền lãi nặng;

3. Số hộ người DTTS cầm cố đất ở;

4. Số hộ người DTTS cầm cố đất sản xuất;

5. Số hộ người DTTS sang nhượng (mua bán) đất ở (*có dấu hiệu vi phạm pháp luật*);

6. Số hộ người DTTS sang nhượng (mua bán) đất sản xuất (*có dấu hiệu vi phạm pháp luật*).

(Biểu mẫu kèm theo).

III. Kết quả đạt được

1. Kết quả công tác tuyên truyền vận động và sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Kết quả xử lý các vụ bán điều non, vay tiền lãi nặng, cầm cố, sang nhượng (*mua bán*) đất có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Đánh giá tình hình bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố, sang nhượng (*mua bán*) đất trên địa bàn.

III. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân, giải pháp

1. Khó khăn, hạn chế

2. Nguyên nhân

3. Giải pháp

IV, Kiến nghị, đề xuất

ĐƠN VỊ ……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP

TÌNH HÌNH BÁN ĐIỀU NON, CẦM CỐ, SANG NHƯỢNG ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, VAY TIỀN LÃI NẶNG 06 THÁNG ĐẦU NĂM (*HOẶC NĂM*) 2022

Biểu 1

STT	Đơn vị	Bán điều non				Cầm cố đất sản xuất				Sang nhượng (bán) đất sản xuất			Cầm cố đấtt ở				Sang nhượng (bán) đất ở			Vay tiền lãi nặng		
		Số hộ	Diện tích (ha)	Số tiền (triệu đồng)	Số năm bán điều non bình quân (năm)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số tiền (Triệu đồng)	Số năm cầm cố bình quân (năm)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số tiền (triệu đồng)	Số hộ	Diện tích (m2)	Số tiền (triệu đồng)	Số năm cầm cố bình quân (năm)	Số hộ	Diện tích (m2)	Số tiền (triệu đồng)	Số hộ	Số tiền (triệu đồng)	Lãi xuất bình quân/năm (%)
1	Xã A																					
2	Xã B																					
3	…																					
	Tổng																					

ĐƠN VỊ ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Các hộ người dân tộc thiểu số bán điều non 06 tháng đầu năm (hoặc năm) 2022

(Kèm theo Báo cáo số /..... ngày tháng .....năm 2022)

Biểu 2

Số TT	**Họ và tên** *(chủ hộ)*	**Năm sinh**	**Dân tộc**	**Thuộc đối tượng (***hộ thu nhập trung bình, hộ nghèo, cận nghèo, gđ chính sách…***)**	**Địa chỉ**	**Số năm bán (năm)**	**Đất được cấp từ CS:** theo QĐ 134, 33, 193, CS khác... (ha)	**Đất tự khai phá** *(ha)*	**Số tiền (triệu đồng)**	**Ghi chú**
I	**Xã A**									
1	Điểu B									
2	Điểu E									
II	**Xã B**									
	Tổng cộng									

ĐƠN VỊ ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Các hộ người dân tộc thiểu số cầm cố đất sản xuất 06 tháng đầu năm (hoặc năm) 2022
(Kèm theo Báo cáo số /..... ngày tháng .....năm 2022)

Biểu 3

Số TT	**Họ và tên (hộ)**	**Năm sinh**	**Dân tộc**	**Thuộc đối tượng** (*hộ thu nhập trung bình, hộ nghèo, cận nghèo, gđ chính sách…*)	**Địa chỉ**	**Số năm cầm cố (năm)**	**Đất được cấp từ CS:** *theo QĐ 134, 33, 193, CS khác... (ha)*	**Đất tự khai phá** (ha)	**Số tiền** (Triệu đồng)	**Ghi chú**
I	**Xã A**									
1	Điểu B									
2	Thị C									
3	…….									
II	**Xã B**									
	Tổng									

ĐƠN VỊ ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Các hộ người dân tộc thiểu số bán (sang nhượng) đất sản xuất
06 tháng đầu năm (hoặc năm) 2022
(Kèm theo Báo cáo số /..... ngày tháng .....năm 2022)

Biểu 4

Số TT	Họ và tên (hộ)	Năm sinh	Dân tộc	Thuộc đối tượng (*hộ thu nhập trung bình, hộ nghèo, cận nghèo, gđ chính sách…*)	Địa chỉ thôn/ấp	Đất được cấp từ CS: theo QĐ 134, 33, 193, CS khác... (ha)	Đất tự khai phá (ha)	Số tiền (Triệu đồng)	Ghi chú
I	**Xã A**								
1	Điểu B								
2	Điểu D								
II	**Xã B**								
	Tổng								

ĐƠN VỊ ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Các hộ người dân tộc thiểu số cầm cố đất ở 06 tháng đầu năm (hoặc năm) 2022

(Kèm theo Báo cáo số /..... ngày tháng .....năm 2022)

Biểu 5

Số TT	**Họ và tên (hộ)**	**Năm sinh**	**Dân tộc**	**Thuộc đối tượng (***hộ thu nhập trung bình, hộ nghèo, cận nghèo, gđ chính sách…***)**	**Địa chỉ**	**Số năm cầm cố (năm)**	**Đất được cấp từ CS:** theo QĐ 134, 33, 193, CS khác... (m2)	**Đất tự khai phá** (m2)	**Số tiền** (Triệu đồng)	**Ghi chú**
I	**Xã A**									
1	Điểu B									
2	Thị C									
II	**Xã B**									
	Tổng									

ĐƠN VỊ ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Các hộ người dân tộc thiểu số bán (*sang nhượng*) đất ở 06 tháng đầu năm (*hoặc năm)* 2022

(Kèm theo Báo cáo số /..... ngày tháng .....năm 2022)

Biểu 6

Số TT	**Họ và tên (hộ)**	**Năm sinh**	**Dân tộc**	**Thuộc đối tượng** (*hộ thu nhập trung bình, hộ nghèo, cận nghèo, gđ chính sách…*)	**Địa chỉ**	**Đất được cấp từ CS:** theo QĐ 134, 33, 193, CS khác... (m2)	**Đất tự khai phá** (m2)	**Số tiền** (Triệu đồng)	**Ghi chú**
I	**Xã A**								
1	Điểu B								
2	Điểu D								
II	**Xã B**								
	Tổng								

ĐƠN VỊ ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH VAY TIỀN LÃI NẶNG TRÊN ĐỊA BÀN …….. 06 THÁNG ĐẦU NĂM (HOẶC NĂM) 2022

(Kèm theo Báo cáo số…../….., ngày …./…./2022)

Biểu 7

Số TT	Họ và tên (chủ hộ)	Năm sinh	Dân tộc	Thuộc đối tượng *(hộ thu nhập trung bình, hộ nghèo, cận nghèo, gđ chính sách…)*	Địa chỉ	Số tiền	Lãi xuất/năm (%)	Ghi chú
I	**Xã A**							
1	Điểu B							
2	Điểu D							
II	**Xã B**							
	...							
	Tổng							